

Số: 211/KH-UBND

Quảng Trị, ngày 05 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động
và biên chế hội năm 2023**

Thực hiện các quy định của Bộ Chính trị và Chính phủ liên quan đến quản lý biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động tại:

Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

UBND tỉnh xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động và biên chế hội năm 2023 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VÀ BIÊN CHẾ HỘI NĂM 2022

I. VỀ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

- Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, HĐND tỉnh quyết định giao: **1.761** chỉ tiêu tại Quyết định số 139-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022, Quyết định số 1039/QĐ-BNV ngày 30/9/2021 của Bộ Nội vụ và Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh.

- Biên chế công chức hiện có (thời điểm 31/12/2022) là: 1.642 người.

- Biên chế công chức chưa thực hiện, gồm:

+ 64 chỉ tiêu đang thực hiện quy trình tuyển dụng năm 2022 (đã thẩm định và có kế hoạch tuyển dụng);

+ 15 chỉ tiêu để dành thực hiện tiếp nhận vào công chức trong giai đoạn từ năm 2023-2026 nhằm giải quyết tình trạng dôi dư đội ngũ viên chức, cán bộ công chức cấp xã do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính cấp xã (hiện đã có hồ sơ nhưng chưa đủ thời gian công tác theo quy định để thực hiện quy trình tiếp nhận vào công chức gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo: 01; Sở NN&PTNT: 01; Sở Tư pháp: 01; UBND huyện Gio Linh: 05; UBND huyện Hải Lăng: 04; UBND huyện Vĩnh Linh: 02; UBND huyện Triệu Phong: 01).

+ 31 chỉ tiêu tại vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị chưa bổ nhiệm (Sở NN&PTNT: 02; Sở Nội vụ: 01; Sở Tư pháp: 01; Sở Tài chính: 01; Sở TNMT: 01; Sở VH&DL: 01; Sở Xây dựng: 01; Sở Y tế: 01; Thanh tra tỉnh: 01; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: 01; UBND huyện Triệu Phong: 05; UBND huyện Hải Lăng: 05; UBND thành phố Đông Hà: 04; UBND huyện Gio Linh: 02; UBND huyện Hướng Hóa: 02; UBND thị xã Quảng Trị: 01; UBND huyện Vĩnh Linh: 01).

+ 09 chỉ tiêu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý đang thực hiện luân chuyển về cấp xã.

II. VỀ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- Bộ Nội vụ giao và HĐND tỉnh phê duyệt: **15.752** chỉ tiêu tại Công văn số 5953/BNV-TCBC ngày 25/11/2021 và Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 09/12/2021, trong đó:

+ Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 13.061 chỉ tiêu;

+ Sự nghiệp y tế: 1.878 chỉ tiêu;

+ Sự nghiệp văn hóa - thể thao: 329 chỉ tiêu,;

+ Sự nghiệp khác: 484 chỉ tiêu.

- Số người làm việc hiện có (*thời điểm 31/12/2022*): 15.458 người, trong đó:

+ Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 12.827 người;

+ Sự nghiệp y tế: 1.849 người;

+ Sự nghiệp văn hóa - thể thao: 309 người;

+ Sự nghiệp khác: 473 người.

- Số người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước chưa thực hiện, gồm:

+ 217 chỉ tiêu cắt giảm do tinh giản biên chế năm 2023 (Giáo dục - đào tạo: 184, y tế: 21, sự nghiệp văn hóa, thông tin thể dục thể thao: 10, sự nghiệp khác: 02).

+ Còn lại 77 chỉ tiêu gồm: Giáo dục - đào tạo: 50, y tế: 08, sự nghiệp văn hóa, thông tin thể dục thể thao: 10, sự nghiệp khác: 09. Hiện số chỉ tiêu này các cơ quan, đơn vị đang rà soát thực hiện tuyển dụng gắn với giảm trừ do tinh giản biên chế theo lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Ban Tổ chức Trung ương giao: 16.074 chỉ tiêu tại Quyết định số 139-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022. Như vậy, Ban Tổ chức Trung ương giao nhiều hơn số Bộ Nội vụ giao và HĐND tỉnh phê duyệt là 322 chỉ tiêu do không trừ số đã thực hiện tinh giản biên chế 322 chỉ tiêu của năm 2022 (trong tổng số tinh giản của giai đoạn 2022-2026) đã được Bộ Nội vụ ấn định và HĐND tỉnh phê duyệt năm 2022.

III. HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP) (sau đây gọi tắt là hợp đồng 68).

1. Hợp đồng 68 trong các cơ quan hành chính:

- Bộ Nội vụ giao và HĐND tỉnh phê duyệt: **105** chỉ tiêu tại Công văn số 386/BNV-TCBC ngày 21/01/2020 của Bộ Nội vụ và Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh.

- Số hiện có (*thời điểm 31/12/2022*): 105 người (*bằng số giao*).

2. Hợp đồng 68 trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Bộ Nội vụ giao và HĐND tỉnh phê duyệt: **96** chỉ tiêu tại Công văn số 4706/BNV-TCBC ngày 09/9/2020 của Bộ Nội vụ và Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh.

- Số hiện có (*thời điểm 31/12/2022*) là: 94 người.

- Số chưa sử dụng: 02 chỉ tiêu, gồm: 01 tại Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao thành phố Đông Hà (lái xe tuyên truyền lưu động) và 01 tại Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị (nhân viên phục vụ, vệ sinh mới nghỉ việc).

IV. BIÊN CHẾ HỘI TRONG CÁC TỔ CHỨC HỘI

- Bộ Nội vụ giao và HĐND tỉnh phê duyệt: **71** chỉ tiêu (trong đó có 02 chỉ tiêu dự phòng).

Số biên chế hiện có (thời điểm 31/12/2022): 69 người.

Số chưa thực hiện: 02 chỉ tiêu dự phòng.

V. HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (Ngân sách địa phương chi trả)

- HĐND tỉnh phê duyệt: 53 chỉ tiêu tại Nghị quyết số 169/NQ-HĐND, gồm:

+ Hợp đồng chuyên trách bảo vệ rừng: 06 chỉ tiêu;

+ Hợp đồng nấu ăn và bảo vệ trong trường chuyên biệt (Trường Dân tộc nội trú, Trường Trẻ em khuyết tật): 39 chỉ tiêu;

+ Hợp đồng lái xe chuyên dùng cho các Sở, Ban, Chi cục, đơn vị sự nghiệp: 08 chỉ tiêu.

- Số hiện có (thời điểm 31/12/2022) là: 52 người, còn 01 chỉ tiêu lái xe chuyên dùng chưa sử dụng tại Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do đang trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

VI. SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao: 1.094 chỉ tiêu tại Quyết định số 4444/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.

- Số hiện có (thời điểm 31/12/2022) là: 830 người.

- Số chưa thực hiện, gồm:

+ Dự phòng của năm 2022: 57 chỉ tiêu (đã phân bổ 05 chỉ tiêu cho Ban Quản lý Cảng cá thuộc Sở NN&PTNT);

+ Số còn lại 207 chỉ tiêu chủ yếu là sự nghiệp y tế 142 chỉ tiêu đang chờ Bộ Y tế ban hành quy định xác định vị trí việc làm nên tạm thời chưa tuyển dụng, sự nghiệp khác 65 chỉ tiêu hiện các đơn vị đang rà soát theo vị trí việc làm để tuyển dụng và ký hợp đồng lao động theo quy định.

VII. VỀ TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2022-2026

1. Đối với biên chế công chức:

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả* không đặt ra mục tiêu tinh giản biên chế công chức trong giai đoạn từ 2022-2026. Tuy nhiên, tại Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về *nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026* yêu cầu trong giai đoạn từ năm 2022-2026 toàn hệ thống chính trị tinh giản ít nhất 05% biên chế công chức.

Hiện nay, UBND tỉnh đang rà soát xây dựng kế hoạch giảm 88 biên chế công chức từ năm 2023 đến năm 2026, tương ứng 05% so với số giao năm 2021 theo quy định của Trung ương.

2. Đối với biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước:

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về *tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập*, UBND tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng Đề án tinh giản số người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước giai đoạn năm 2022-2026 tại Công văn 4466/UBND-NC ngày 23/9/2021.

Đến nay, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành quyết định phê duyệt Đề án tinh giản biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2026 cho 100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng phải tinh giản biên chế theo quy định

với 1.616 chỉ tiêu, tương ứng với 10% số biên chế giao năm 2021 (16.074 chỉ tiêu).

Năm 2022 toàn tỉnh đã thực hiện được 322 chỉ tiêu, còn 1.294 chỉ tiêu phải thực hiện từ năm 2023-2026, cụ thể:

- Năm 2023: 256 chỉ tiêu;
- Năm 2024: 311 chỉ tiêu;
- Năm 2025: 349 chỉ tiêu;
- Năm 2026: 378 chỉ tiêu.

VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2022

1. Ưu điểm:

a) Việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, số người làm việc cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã được thực hiện kịp thời, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

b) Việc quản lý và sử dụng số người làm việc đã được kiểm soát chặt chẽ, đúng với các quy định của Trung ương, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

c) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện việc tuyển dụng kịp thời, bố trí người làm việc phù hợp với vị trí việc làm và khung năng lực đã được phê duyệt.

d) Qua 05 năm thực hiện các mục tiêu về sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế của tỉnh đều đạt và vượt các mục tiêu Trung ương đã đề ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

- Về tinh giản biên chế giảm 2.370 chỉ tiêu, trong đó: Giai đoạn 2015-2021 giảm 2.048 chỉ tiêu, đạt 10,2% so với số giao năm 2015; Giai đoạn 2022-2026 đã giảm 322 chỉ tiêu của năm 2022, đạt 02% so với số giao năm 2021.

- Về sắp xếp tổ chức bộ máy:

+ Giảm 16 đơn vị hành chính cấp xã (Hải Lăng 04, Gio Linh 04, Vĩnh Linh 04, Hướng Hóa 01, Triệu Phong 01, Cam Lộ 01, Đakrông 01) và 283 thôn, bản, khu phố;

+ Giảm 29 phòng chuyên môn thuộc sở, ban, ngành (chiếm 21,80%); 01 chi cục (Chi cục Văn thư - Lưu trữ, thuộc Sở Nội vụ) (chiếm 6,25%), 12 phòng chuyên môn thuộc ban, chi cục (chiếm 16,67%), giảm được 58 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc Sở (25 cấp trưởng, 33 cấp phó), 24 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc chi cục (20 cấp trưởng, 04 cấp phó), 04 lãnh đạo chi cục.

+ Giảm 175 đơn vị sự nghiệp công lập (lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 106 đơn vị; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: 19 đơn vị; lĩnh vực y tế: 21 đơn vị; lĩnh vực văn hoá: 12 đơn vị; lĩnh vực khác: 17 đơn vị), đạt 26,3% so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập toàn tỉnh năm 2015 (664 đơn vị), vượt 16,3% so với mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW đề ra đến năm 2021; tổ chức bộ máy bên trong đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức lại hợp lý, đảm bảo đúng quy định; qua sắp xếp toàn tỉnh đã giảm được 267 lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập (167 cấp trưởng, 100 cấp phó).

Việc sắp xếp tổ chức các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập bước đầu đã khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải, thiếu tập trung,

lãng phí trong việc sử dụng các nguồn lực đầu tư của Nhà nước, hướng tới tổ chức các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương.

- Việc thực hiện tinh giản biên chế theo nguyên tắc:

+ Linh hoạt, không thực hiện cào bằng, cơ học giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị, vùng miền, ngành, lĩnh vực; Vùng thuận lợi, lĩnh vực có điều kiện xã hội hóa phải bù đắp số chỉ tiêu không cắt giảm của vùng đặc biệt khó khăn, để cân đối, điều chỉnh phù hợp với điều kiện của từng vùng miền và đảm bảo tỷ lệ cắt giảm tối thiểu là do Trung ương quy định.

+ Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ trong quá trình xây dựng Đề án và triển khai thực hiện cắt giảm;

+ Việc thực hiện tinh giản biên chế gắn với việc rà soát, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong của các đơn vị; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức trong các đơn vị; thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các đơn vị;

+ Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực và có cơ chế, chính sách phù hợp đối với những viên chức chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công để chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ về tài chính, giảm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, để có đủ chỉ tiêu cắt giảm và dành bố trí đủ số người làm việc đối với vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

+ Các địa phương, cơ quan, đơn vị không sử dụng hết số biên chế được giao hoặc giao thừa so với định mức thì thực hiện cắt giảm cho phù hợp với định mức.

đ) Việc giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ *Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập* được đẩy mạnh, góp phần giảm áp lực về biên chế và chi ngân sách nhà nước trong việc thực hiện các dịch vụ công, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, góp phần thực hiện thành công mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW trong thời gian tới.

2. Hạn chế:

- Chưa phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy do các bộ ngành chậm ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương, định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ.

- Việc bố trí số người làm việc phải đảm bảo định mức giáo viên/lớp, học sinh/lớp, viên chức y tế/giường bệnh, viên chức y tế/dân số, phù hợp với quy mô hoạt động của từng đơn vị nhưng các quy định hiện nay chưa phân biệt giữa các vùng đồng bằng, đô thị, nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và đều được ban hành trước khi có Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, nên đến nay không còn phù hợp với thực tiễn.

- Chưa phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ sở y tế công lập do Bộ Y tế đã

ban hành quyết định bãi bỏ Thông tư số 08/2007/TT-BYT ngày 05/6/2007 *Hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước* trong khi quy định mới thay thế Thông tư này chưa được ban hành, gây khó khăn cho các địa phương trong triển khai xác định vị trí việc làm cũng như tính định mức số người làm việc trong các cơ sở y tế công lập.

- Nhiều cơ quan, đơn vị thực hiện tinh giản biên chế chưa quyết liệt, chưa thông qua việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện tinh giản mà chủ yếu cắt giảm chỉ tiêu nghỉ hưu, chưa tuyển dụng, chuyển sang tự chủ.

- Biên chế của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập còn thiếu so với định mức quy định và vị trí việc làm phê duyệt, chưa được bổ sung trong khi phải tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế (giai đoạn 2022-2026 giảm 1.695 biên chế gây khó khăn cho tỉnh trong việc phân bổ, cân đối số lượng biên chế được giao. Trong tổng số người làm việc được Trung ương giao năm 2021, thì số người làm việc của sự nghiệp giáo dục và đào tạo hiện chiếm 82,66%; do đó, việc tinh giản số người làm việc trong giai đoạn từ năm 2022-2026 chủ yếu là ở sự nghiệp giáo dục và đào tạo, trong khi định mức số người làm việc của sự nghiệp giáo dục đang còn thiếu, các quy định thực hiện về xã hội hóa đối với sự nghiệp giáo dục còn chậm nhưng việc tinh giản biên chế hàng năm vẫn phải thực hiện. Như vậy, chưa sự thống nhất giữa số người làm việc do Trung ương ấn định cắt giảm với các quy định làm hành lang pháp lý để giảm số người làm việc hoặc chuyển số người làm việc hưởng lương ngân sách sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp; giữa đảm bảo chỉ tiêu cắt giảm hàng năm theo quy định với đảm bảo có đủ số người làm việc theo định mức quy định để thực hiện các nhiệm vụ cung ứng các dịch vụ công được giao.

- Một cơ quan, đơn vị, địa phương mặc dù đã đẩy mạnh sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong những năm học qua nhưng vẫn còn tình trạng mất cân đối, vừa thiếu nhưng lại vừa thừa: Cấp mầm non thiếu 249 giáo viên, tiểu học thiếu 182 giáo viên, trung học cơ sở thừa 130 giáo viên.

- Tỷ lệ học sinh/lớp tại các vùng đô thị cơ bản đảm bảo theo yêu cầu nhưng tỷ lệ học sinh/lớp của vùng đồng bằng thấp, cụ thể:

+ Cấp tiểu học chỉ đạt được 74,5% so với định mức tối đa theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học (35 học sinh/lớp) và mới chỉ bằng mức tối thiểu học sinh/lớp được quy định tại Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh (25 học sinh/lớp).

+ Cấp Trung học cơ sở chỉ đạt 77,3% so với định mức tối đa theo quy định tại Điều lệ trường THCS (45 học sinh/lớp) và thấp hơn mức tối thiểu (35 học sinh/lớp) đã được HĐND tỉnh quy định tại Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND (thấp hơn 0,2 học sinh/lớp) và thấp hơn khu vực miền núi (0,1 học sinh/lớp).

Tỷ lệ học sinh/lớp trên địa bàn tỉnh thấp sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý và bố trí biên chế, đặc biệt là khi triển khai thực hiện tính biên chế giáo viên theo tỷ lệ học sinh của từng vùng theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo *hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (dự kiến ban hành trong Quý IV/2022).*

- Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, UBND tỉnh Quảng Trị đã xây dựng trình HĐND tỉnh Đề án Quy định về mức thu, cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị với Chính phủ giữ ổn định mức học phí như năm học 2021-2022 đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên nên UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh tạm thời chưa thông qua Nghị quyết. Việc Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị giữ ổn định mức học phí cho năm học 2022-2023 sẽ giảm gánh nặng cho người dân trong tình hình hiện nay nhưng sẽ khó khăn cho các địa phương trong xã hội hóa và nâng cao mức độ tự chủ về tài chính trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, từ đó dẫn đến khó đạt được mục tiêu đến năm 2026 giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước so với năm 2021 (biên chế của sự nghiệp giáo dục và đào tạo hiện chiếm 82,6% so với tổng biên chế toàn tỉnh giao năm 2021).

- Quảng Trị là tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội đang ở mức trung bình so với cả nước, đời sống người dân còn khó khăn. Nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp còn thấp, mức độ xã hội hóa các dịch vụ công chưa cao. Do đó, việc triển khai giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Việc ban hành hệ thống các cơ chế, chính sách đối với tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập chưa đồng bộ, chậm nên trong quá trình triển khai thực hiện gây lúng túng như: Chưa có hướng dẫn về việc chuyển đổi mô hình đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập ra ngoài công lập theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông thay thế Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006, nhưng các điều kiện về đội ngũ và cơ sở vật chất ở một số cơ sở giáo dục công lập còn thiếu để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; việc thực xã hội hóa, tự chủ về tài chính đối với sự nghiệp giáo dục; vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập...

- Số lượng biên chế được Trung ương giao hiện chưa đáp ứng được nhu cầu thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là lĩnh vực sự nghiệp giáo dục (năm học 2022-2023 so với năm học 2018-2019 số biên chế theo định mức quy định tăng 224 chỉ tiêu do tăng quy mô số lớp, số học sinh nhưng số biên chế được giao giảm 159 chỉ tiêu).

- Việc mất cân đối về cơ cấu đội ngũ trong các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục xuất phát từ nhiều nguyên nhân:

+ Trước 2014 việc tuyển dụng chưa được quản lý chặt chẽ, chưa tuyển dụng theo vị trí việc làm;

+ Chương trình giáo dục phổ thông có thay đổi (hiện nay Chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo thay thế cho Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT); một số chương trình giáo dục mới được đưa vào, một số chương trình giáo dục có thời lượng giảm nên định mức giáo viên giảm; đối với chương trình giáo dục trung học phổ thông ngoài chương trình giáo dục bắt buộc, học sinh lựa

chọn học thêm một nhóm chuyên đề, năm học 2022-2023 chỉ mới áp dụng lớp 10 nhưng học sinh chủ yếu lựa chọn chuyên đề về xã hội dẫn giáo viên các môn xã hội thì thiếu, giáo viên các môn tự nhiên thì thừa.

- Việc thực hiện tinh giản biên chế mặc dù đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm nhưng quá trình thực hiện chưa quyết liệt, chưa thông qua đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ để đưa những người chưa thực hiện tốt nhiệm vụ, những người dôi dư so với vị trí việc làm ra khỏi bộ máy, vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh trong thực hiện tinh giản biên chế.

- Tỷ lệ học sinh/lớp của vùng đồng bằng và miền núi thấp là do hầu hết các trường mầm non và tiểu học có nhiều điểm trường, trung bình mỗi trường mầm non có 2,7 điểm trường (trường có nhiều điểm trường nhất là 09 điểm trường - Trường mầm non Tà Long), trung bình mỗi trường tiểu học có 2,3 điểm trường (trường có nhiều điểm trường nhất là 08 điểm trường - Trường tiểu học Hướng Lập).

B. KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VÀ BIÊN CHẾ HỘI NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị. Giai đoạn 2022-2026 khối chính quyền toàn tỉnh phải tinh giản tối thiểu 05% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước là một nhiệm vụ hết sức nặng nề đối với các ngành, địa phương, đặc biệt là sự nghiệp giáo dục thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố vừa đảm bảo định mức quy định, vừa đảm bảo số lượng chỉ tiêu cắt giảm hàng năm theo lộ trình.

- Tỉnh Quảng Trị so với các tỉnh khác là một tỉnh có quy mô nhỏ, nhưng có đặc điểm tự nhiên đa dạng: Có đồng bằng, miền núi, trung du, biển, có biên giới trên đất liền và trên biển, do đó cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện đa dạng. Ngoài 17 sở, ban, ngành được tổ chức thống nhất trong cả nước, còn phải thực hiện các chức năng quản lý nhà nước mang tính đặc thù của địa phương như: Ngoại vụ, Dân tộc.... Với số lượng biên chế Trung ương giao như hiện nay rất khó để đảm bảo bố trí biên chế đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước theo ngành lĩnh vực và địa bàn lãnh thổ.

- Trong những năm qua, nhiều cơ quan, đơn vị được bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ, tăng khối lượng công việc, tăng đại biểu HĐND chuyên trách các cấp nhưng chưa được xem xét bổ sung biên chế công chức; việc giao biên chế ở một số lĩnh vực chưa tách bạch giữa quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ công, nên tạo áp lực rất lớn cho việc giao biên chế đối với từng cơ quan, đơn vị. Do đó để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao, đòi hỏi các cơ quan phải sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự

ng nghiệp công lập, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, sử dụng biên chế đúng theo vị trí việc làm

- Biên chế sự nghiệp nhiều đơn vị còn thiếu so với vị trí việc làm được phê duyệt, đặc biệt là đối với lĩnh vực sự nghiệp giáo dục năm học 2022-2023 sau khi được Trung ương bổ sung 258 chỉ tiêu vẫn còn thiếu 153 chỉ tiêu, tương ứng 1,17% so với định mức quy định.

Bên cạnh đó từ năm 2022-2026 Trung ương yêu cầu cắt giảm tối thiểu 10,0%, tương ứng với 1.607 chỉ tiêu (trong đó sự nghiệp giáo dục cắt giảm 1.279 chỉ tiêu, chiếm 79,6% tổng số cắt giảm) nhưng các quy định về hướng dẫn thực hiện về tự chủ về tài chính và xã hội hóa đối với sự nghiệp giáo dục còn chậm, nên việc vừa đảm bảo định mức biên chế theo quy định và vừa đảm bảo việc cắt giảm theo quy định khó thực hiện được. Yêu cầu đặt ra là đẩy mạnh việc rà soát, sắp xếp lại trường lớp theo hướng giảm các điểm trường lẻ, tăng quy mô trường lớp so với hiện nay, quy định mức học phí mới nhằm đẩy mạnh xã hội hóa, tự chủ về tài chính ở những nơi có điều kiện để dành biên chế bố trí cho những vùng khó khăn, những điểm trường lẻ, những nơi không có điều kiện để xã hội hóa các hoạt động giáo dục nhằm đảm bảo bố trí đủ số lượng giáo viên đứng lớp, góp phần giảm áp lực về giảm biên chế trong tình hình phải thực hiện tinh giản biên chế.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông thay thế Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006, nhưng các điều kiện về đội ngũ và cơ sở vật chất ở một số nơi còn thiếu, chưa đảm bảo điều kiện để thực hiện chương trình.

- Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 quy định và hướng dẫn cơ chế tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã góp phần hoàn thiện đầy đủ cơ sở pháp lý cho hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng trao quyền tự chủ đầy đủ về tổ chức và bộ máy, nhân sự, tài chính, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn việc đổi mới cơ chế quản lý và đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công, khắc phục một số tồn tại hạn chế của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; đặc biệt, gắn việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước với cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công để thúc đẩy mạnh hơn việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; góp phần thực hiện thành công mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW trong thời gian tới.

II. QUAN ĐIỂM

- Việc giao, sử dụng, quản lý biên chế phải đạt được mục tiêu của Nghị quyết số 18- NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị.

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất lãnh đạo, quản lý về tổ chức bộ máy và biên chế; đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu trong việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức và tinh giản biên chế.

- Biên chế được xác định trên cơ sở vị trí việc làm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc bổ

sung biên chế cho các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thành lập mới hoặc được bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ, tăng khối lượng công việc phải tự cân đối, điều chỉnh trong tổng số biên chế đã được giao hàng năm cho ngành, địa phương sau khi đã giảm đủ số lượng cắt giảm hàng năm do thực hiện tinh giản biên chế.

- Thực hiện tinh giản biên chế sự nghiệp được thực hiện một cách linh hoạt, không thực hiện cào bằng, cơ học giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị, vùng miền, ngành, lĩnh vực; Vùng thuận lợi, lĩnh vực có điều kiện xã hội hóa phải bù đắp số chỉ tiêu không cắt giảm của vùng đặc biệt khó khăn, để cân đối, điều chỉnh phù hợp với điều kiện của từng vùng miền và đảm bảo tỷ lệ cắt giảm tối thiểu là do Trung ương quy định; bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ trong quá trình xây dựng Đề án và triển khai thực hiện cắt giảm.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập phải gắn với tinh giản biên chế và phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Đối với phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng và tương đương thuộc Chi cục và tương đương phải có tối thiểu 05 biên chế công chức;

+ Đối với Chi cục và tương đương thuộc Sở phải có tối thiểu 12 biên chế công chức;

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập phải đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành). Các đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập mới phải tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu); đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả thì tổ chức lại hoặc giải thể. Việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó của đơn vị và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa sử dụng hết số biên chế được giao cần xem xét, đánh giá lại để có biện pháp cắt giảm phù hợp với tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và vị trí việc làm được phê duyệt.

- Không thực hiện việc ký hợp đồng lao động đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là công chức trong các cơ quan hành chính hoặc là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và y tế không thực hiện hợp đồng lao động trên 12 tháng đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là viên chức hưởng lương ngân sách trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo chi thường xuyên hoặc một phần chi thường xuyên.

- Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công để chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ về tài chính, giảm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các địa bàn có điều kiện và khả năng xã hội hóa, bổ sung số biên chế còn thiếu đối với lĩnh vực sự nghiệp thiết yếu, sự nghiệp tại các

vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

III. CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC, BIÊN CHẾ HỘI VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023

Để thực hiện giao số biên chế công chức, số người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước phù hợp với số giao của Ban Tổ chức Trung ương tại Quyết định số 56-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 về biên chế giai đoạn 2022-2026 gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế trong giai đoạn 2022-2026 do Trung ương ấn định (giảm 88 biên chế cán bộ, công chức và 1.607 biên chế viên chức sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước), UBND tỉnh đề xuất kế hoạch thực hiện năm 2023 như sau:

1. Hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Biên chế công chức: **1.761** chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2023), bằng số chỉ tiêu Ban Tổ chức Trung ương giao năm 2022.

b) Số người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước:

- Từ ngày 01/01/2023: **16.010** chỉ tiêu (= 15.752 chỉ tiêu giao năm 2022 + 258 chỉ tiêu sự nghiệp giáo dục được Trung bổ sung năm học 2022-2023).

- Trước ngày 01/01/2024: **15.754** chỉ tiêu (trong đó có 11 chỉ tiêu dự phòng), giảm 578 chỉ tiêu so với Ban Tổ chức Trung ương giao năm 2022 (bao gồm số bổ sung của năm học 2022-2023), trong đó đã giảm năm 2022 là 322 chỉ tiêu và 256 chỉ tiêu phải giảm trong năm 2023, tương ứng 3,6% so với số giao năm 2021 do thực hiện tinh giản biên chế, trong đó:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 13.158 chỉ tiêu, giảm 387 chỉ tiêu (năm 2022 đã giảm 226 chỉ tiêu, năm 2023 giảm 161 chỉ tiêu);

+ Sự nghiệp y tế: 1.772 chỉ tiêu, giảm 194 chỉ tiêu (năm 2022 đã giảm 88 chỉ tiêu, năm 2023 giảm 106 chỉ tiêu);

+ Sự nghiệp văn hóa - thể thao: 320 chỉ tiêu, giảm 13 chỉ tiêu (năm 2022 đã giảm 04 chỉ tiêu, năm 2023 giảm 09 chỉ tiêu);

+ Sự nghiệp khác: 504 chỉ tiêu, tăng 16 chỉ tiêu (năm 2022 đã giảm 04 chỉ tiêu, năm 2023 tăng 20 chỉ tiêu);

c) Hợp đồng 68 và biên chế hội:

Trước mắt chưa được Ban Tổ chức Trung ương giao của năm 2022 và giai đoạn 2022-2026, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh thống nhất giao chỉ tiêu hợp đồng 68 và biên chế hội bằng với số Bộ Nội vụ đã giao cho tỉnh Quảng Trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Thông báo số 193-TB/TU ngày 30/11/2021 và HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 09/12/2021, cụ thể:

* Hợp đồng 68: **201** chỉ tiêu, trong đó:

- Trong cơ hành chính: 105 chỉ tiêu tại Công văn số 386/BNV-TCBC ngày 21/01/2020 và Quyết định số 863/QĐ-BNV ngày 17/8/2021 của Bộ Nội vụ.

- Trong đơn vị sự nghiệp công lập: 96 chỉ tiêu tại Công văn số 4706/BNV-TCBC ngày 09/9/2020 của Bộ Nội vụ.

* Biên chế trong các tổ chức hội: **71** chỉ tiêu, trong đó có 02 chỉ tiêu dự phòng tại Công văn số 186/BNV-TCBC ngày 15/01/2018 và Công văn số 5519/BNV-TCBC ngày 12/11/2019 của Bộ Nội vụ.

2. Hợp đồng lao động (Từ nguồn ngân sách địa phương): **49** chỉ tiêu, giảm 04 chỉ tiêu so với số giao năm 2022.

3. Hưởng lương từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị: Theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP: UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giao chỉ tiêu số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Do đó, sau khi được HĐND tỉnh quyết định phê duyệt số biên chế và hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách tại các cơ quan, đơn vị, UBND sẽ quyết định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định.

- Tổng số giao của Bộ Nội vụ thẩm định tại Công văn 5953/BNV-TCBC ngày 25/11/2021 là: 1.126 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

4. Thuyết minh tăng giảm biên chế công chức, số người làm việc hưởng lương ngân sách, biên chế hội và hợp đồng lao động năm 2023:

4.1. Biên chế công chức:

Dự kiến số giao năm 2023 là: **1.761 chỉ tiêu**, cụ thể:

a) Giảm: 01 chỉ tiêu biên chế công chức làm nhân viên lái xe trước thời điểm ngày 01/4/1993 đã nghỉ hưu chế độ tại thời điểm 01/11/2022 của Cơ quan Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời bổ sung 01 hợp đồng lao động lái xe tại Cơ quan Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để đảm bảo định mức sử dụng xe ô tô theo quy định.

b) Tăng: 01 chỉ tiêu tại Sở Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải năm 2022 được giao 32 chỉ tiêu biên chế công chức. Hiện nay, nhiều nhiệm vụ của Sở có khối lượng công việc tăng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông do Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở đảm nhiệm.

Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông có nhiệm vụ: Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và tổ chức giao thông trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, gồm: Kiểm tra, theo dõi và báo cáo tình trạng kỹ thuật của hệ thống công trình đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ, mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng, hành lang an toàn, thống kê cầu yếu, cấp các loại giấy phép thi công trong hành lang đường bộ đang khai trên địa bàn tỉnh; bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, cấp phép các loại; tham mưu công tác ứng, phòng chống và khắc phục thiên tai trên các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa được giao quản lý...

Trong những năm qua, số lượng km đường bộ do Sở quản lý ngày một tăng (trước năm 2020: Quản lý 392 km đường bộ và 124 km đường thủy nội địa. Hiện nay, quản lý 527 km đường bộ (tăng 134 km) và 132 km đường thủy nội địa (tăng 08 km). Như vậy, đến năm 2022 tổng số km đường bộ quản lý tăng 135 km, đường thủy nội địa tăng 08km so với trước năm 2020). Ngoài ra, Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông được giao thêm một số nhiệm vụ như: Thẩm định tiêu chí giao thông đối với các xã thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia nông thôn mới; thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; các dự án công trình trên đường thủy nội địa; thẩm định thiết kế cơ sở sau lập dự án đầu tư. Do đó, khối lượng công việc của Phòng tăng lên nhiều so với trước năm 2020.

Năm 2022, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ sung cho 03 cơ quan mỗi cơ quan 01 chỉ tiêu gồm: Sở Giao thông vận tải, Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 40-TTr/BCSD ngày 09/11/2021. Tuy nhiên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất bổ sung cho Văn

phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh 01 chỉ tiêu để bố trí chức danh Phó Chánh Văn phòng và 02 chỉ tiêu còn lại bố trí cho các cơ quan khác. Sau khi có kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã làm việc với các cơ quan và thống nhất ưu tiên trình HĐND tỉnh bổ sung cho Sở Tư pháp và Sở Tài nguyên và Môi trường, còn đối với Sở Giao thông vận tải không có chỉ tiêu nên chưa bổ sung mà ưu tiên xem xét trong các năm tiếp theo.

Để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất bổ sung 01 biên chế công chức bố trí vị trí việc làm Chuyên viên quản lý hạ tầng giao thông tại Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải. Sau khi được bổ sung, Sở Giao thông vận tải có 33 biên chế công chức và 03 hợp đồng 68.

Như vậy, tổng số biên chế công chức giao năm 2023 là 1.761 chỉ tiêu, bằng số Ban Tổ chức Trung ương giao năm 2022.

4.2. Số người làm việc (biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước):

- Từ ngày 01/01/2023: **16.010** chỉ tiêu (= 15.752 chỉ tiêu giao năm 2022 + 258 chỉ tiêu sự nghiệp giáo dục được Trung bổ sung năm học 2022-2023).

- Trước ngày 01/01/2024: **15.754** chỉ tiêu (trong đó có 11 chỉ tiêu dự phòng), giảm 256 chỉ tiêu do thực hiện tinh giản biên chế, tương ứng với 1,6% so với số giao năm 2021.

Cụ thể như sau:

4.2.1. Giảm: 325 chỉ tiêu

4.2.1.1. Cắt giảm do thực hiện tinh giản biên chế theo Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt của năm 2023: 256 chỉ tiêu (phải thực hiện trước ngày 01/01/2024), cụ thể:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh: 04 chỉ tiêu, gồm:

- Trường Cao đẳng Sư phạm: 01 chỉ tiêu.

- Trường Cao đẳng Kỹ thuật: 02 chỉ tiêu.

- Trường Cao đẳng y tế: 01 chỉ tiêu.

b) Đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: 94 chỉ tiêu.

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế: 48 chỉ tiêu chuyển sang tự chủ.

- Đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: 28 chỉ tiêu chưa sử dụng.

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 12 chỉ tiêu chuyển sang tự chủ (07 chỉ tiêu của năm 2023 và 05 chỉ tiêu chưa thực hiện của năm 2022).

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 04 chỉ tiêu chưa sử dụng (03 chỉ tiêu của năm 2023 và 01 chỉ tiêu chưa thực hiện của năm 2022).

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 01 chỉ tiêu chưa sử dụng.

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp: 01 chỉ tiêu chưa sử dụng.

c) Tạp chí Cửa Việt thuộc Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh: 01 chỉ tiêu chưa sử dụng.

d) Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện: 157 chỉ tiêu chưa sử dụng

- Đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố: 148 chỉ tiêu, gồm: Huyện Triệu Phong: 35 chỉ tiêu, huyện Hải Lăng: 32 chỉ tiêu, huyện Hướng Hóa: 20 chỉ tiêu, huyện Gio Linh: 19 chỉ tiêu, huyện Cam Lộ: 18 chỉ tiêu, thành phố Đông Hà: 15 chỉ tiêu, huyện Vĩnh Linh: 09 chỉ tiêu.

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố: 04 chỉ tiêu, mỗi huyện 01 chỉ tiêu, gồm: Thành phố Đông Hà, huyện Đakrông, huyện Triệu Phong, thị xã Quảng Trị.

- Trung tâm Văn hóa, thông tin - Thể dục, thể thao thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố: 05 chỉ tiêu, mỗi huyện 01 chỉ tiêu, gồm: Thị xã Quảng Trị, huyện Hải Lăng, huyện Cam Lộ, Hướng Hóa, huyện Gio Linh.

4.2.1.2. Giảm do tăng mức độ tự chủ về tài chính và sắp xếp tổ chức bộ máy tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc Sở Y tế: 69 chỉ tiêu (giảm từ ngày 01/01/2023)

- Chuyển chỉ tiêu hưởng lương từ ngân sách nhà nước sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, để phù hợp với mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên của các đơn vị: 42 chỉ tiêu.

- Cắt giảm chỉ tiêu số người làm việc tại trạm y tế cấp xã thừa so với định mức quy định do sáp nhập xã (giảm 16 xã): 27 chỉ tiêu.

4.2.2. Tăng (bổ sung): 316 chỉ tiêu (tăng từ ngày 01/01/2023), cụ thể như sau:

4.2.2.1. Đối với sự nghiệp giáo dục: 281 chỉ tiêu, trong đó: Biên chế được Trung ương bổ sung năm học 2022-2023 là 258 chỉ tiêu, biên chế tinh tự cân đối điều chỉnh trong tổng số biên chế sự nghiệp được giao năm 2023 như đề xuất trên là 23 chỉ tiêu (bổ sung từ ngày 01/01/2023).

Thực hiện Quyết định số 56-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế giai đoạn 2022-2026, Công văn số 3887/BNV-TCBC ngày 12/8/2022 của Bộ Nội vụ về thực hiện bổ sung biên chế giáo viên công lập năm học 2022-2023 theo Quyết định của Bộ Chính trị và Thông báo số 354-TB/TU ngày 28/10/2022 của Tỉnh ủy Quảng Trị về phân bổ biên chế khối Chính quyền giai đoạn 2022-2026 và năm 2022 và trên cơ sở số biên chế tinh tự cân đối điều chỉnh giữa các đơn vị sự nghiệp công lập do chuyển đổi cơ chế tài chính và sắp xếp lại tổ chức bộ máy, UBND tỉnh đề xuất phân bổ như sau:

a) Quan điểm phân bổ:

- Chỉ phân bổ theo định mức số người làm việc được quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Phân bổ số lượng người làm việc được bổ sung phải thực hiện theo vùng miền, trong đó ưu tiên vùng miền núi, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng không thể thực hiện xã hội hóa các hoạt động giáo dục;

- Việc phân bổ số lượng người làm việc phải thực hiện kịp thời, đáp ứng nhu cầu dạy học;

- Các đơn vị, địa phương chưa sử dụng hết số chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được giao hoặc chậm tuyển dụng chỉ tiêu chưa sử dụng thì không thực hiện phân bổ.

b) Nguyên tắc phân bổ:

- Đối với vùng đồng bằng và đô thị bổ sung 60% số thiếu so với định mức khi chưa có hướng dẫn xã hội hóa và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong mắt cân đối đội ngũ (vừa thiếu, vừa thừa) nhằm đảm bảo có giáo viên đứng lớp, đặc biệt là giáo viên mầm non, giáo viên văn hóa cấp tiểu học, giáo viên anh

văn, tin học, tương ứng 124 chỉ tiêu, chiếm 44,28% tổng số chỉ tiêu được bổ sung;

- Đối với vùng miền núi (huyện Hướng Hóa, huyện Đakrông, Sở Giáo dục và Đào tạo (Trường trẻ em khuyết tật và các Trường Trung học phổ thông): 75% số thiếu so với định mức, tương ứng với 149 chỉ tiêu chiếm 53,22% tổng số chỉ tiêu được bổ sung. Do khu vực miền núi thiếu với số lượng nhiều, khó khăn trong thực hiện xã hội hóa và để phù hợp với các quy định, định hướng của Trung ương trong việc giao biên chế là ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa; vùng thuận lợi phải cân đối, điều chỉnh cho vùng khó khăn.

- Dự phòng tuyển dụng giáo viên giảng dạy ở Lào: 07 chỉ tiêu, chiếm 2,50% tổng số chỉ tiêu được bổ sung.

c) Đề xuất số lượng phân bổ cho từng đơn vị như sau:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát số người làm việc năm học 2022-2023 đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố và nội dung thống nhất của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 31/10/2022, UBND tỉnh đề xuất phân bổ như sau:

- Đối với vùng đồng bằng và đô thị bổ sung 60% số thiếu so với định mức, tương ứng với 125 chỉ tiêu, cụ thể:

- + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND thành phố Đông Hà: 30 chỉ tiêu/50 chỉ tiêu¹;
- + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND huyện Gio Linh: 29 chỉ tiêu/49 chỉ tiêu;
- + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND huyện Vĩnh Linh: 23 chỉ tiêu/38,5 chỉ tiêu;
- + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND huyện Cam Lộ: 16 chỉ tiêu/27 chỉ tiêu;
- + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND huyện Hải Lăng: 15 chỉ tiêu/24,5 chỉ tiêu;
- + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND thị xã Quảng Trị: 07 chỉ tiêu/11,5 chỉ tiêu;
- + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND huyện Triệu Phong: 05 chỉ tiêu/07 chỉ tiêu.

- Đối với vùng miền núi (huyện Hướng Hóa, huyện Đakrông và Sở Giáo dục và Đào tạo) bổ sung 75% số thiếu so với định mức, tương ứng với 149 chỉ tiêu, cụ thể:

- + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND huyện Hướng Hóa: 96 chỉ tiêu/128 chỉ tiêu;
 - + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND huyện Đakrông: 45 chỉ tiêu/60 chỉ tiêu;
 - + Sự nghiệp giáo dục thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: 08 chỉ tiêu/11 chỉ tiêu.
- Tuyển dụng giáo viên tham gia giảng dạy ở Lào: 07 chỉ tiêu.

Thực hiện Quyết định 165/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành Kế hoạch hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị và hai tỉnh Savannakhet và Salavan, nước CHDCND Lào (giai đoạn 2020-2022), trong đó xác định nhiệm vụ: “Cử 10 giáo viên sang dạy Tiếng Việt cho con em người Việt Nam sinh sống tại tỉnh Savannakhet” và Căn cứ Công văn số 16/HNVN ngày 15/8/2022 của Hội người Việt Nam tại Lào về việc cử giáo viên giảng dạy tại tỉnh Savannakhet thuộc CHDCND Lào, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thống nhất dành 07 chỉ tiêu trong số 258 chỉ tiêu đã được Trung ương bổ sung để tuyển dụng giáo viên trước khi biệt phái tham gia giảng dạy tại Lào để tránh trường hợp giáo viên sau khi hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy tại Lào không thể bố trí công tác như những năm qua do không có quy định ưu

¹ 50 chỉ tiêu là số chỉ tiêu giao thiếu so với định mức quy định (bổ sung 60% của 50 chỉ tiêu giao thiếu so với định mức là 30 chỉ tiêu).

tiên trong tuyển dụng, cụ thể phân bổ như sau:

- + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND huyện Hướng Hóa: 02 chỉ tiêu;
- + Sự nghiệp giáo dục thuộc UBND huyện Đakrông: 02 chỉ tiêu;
- + Sự nghiệp giáo dục thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: 03 chỉ tiêu.

Số giáo viên này sau khi hoàn thành nghĩa vụ sẽ phân bổ về giảng dạy tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND huyện Hướng Hóa và Đakrông.

Như vậy, sau khi bổ sung 274 chỉ tiêu (=281 chỉ tiêu - 07 chỉ tiêu dự phòng tuyển dụng giáo viên dạy ở Lào), số chỉ tiêu giao còn thiếu so với định mức quy định của sự nghiệp giáo dục công lập là 130 chỉ tiêu (chưa bao gồm số cắt giảm cắt giảm trước ngày 01/01/2024).

4.2.2.2. Đối với sự nghiệp khác: 35 chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2023) từ nguồn tỉnh cắt giảm của các đơn vị khác để cân đối, điều chỉnh trong tổng số biên chế sự nghiệp được giao năm 2023 như đề xuất trên.

a) Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 19 chỉ tiêu

* Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp 1 thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 08 chỉ tiêu.

- Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp 1 được thành lập theo Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh.

- Năm 2022 Trung tâm được giao 57 chỉ tiêu, trong đó: 55 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 02 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách chi trả chế độ.

- Theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 05/4/2022, Trung tâm có 68 chỉ tiêu, trong đó: 66 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 02 chỉ tiêu hợp đồng 68.

Như vậy, số người làm việc theo vị trí việc làm được phê duyệt so với số người làm việc được giao năm 2022 còn thiếu 11 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước. Để đảm bảo cho hoạt động của Trung tâm, đề xuất trước mắt bổ sung 70% số chỉ tiêu còn thiếu so với vị trí việc làm được phê duyệt, tương ứng với 08 chỉ tiêu nhằm đảm bảo cho công tác quản lý, chăm sóc đối tượng tâm thần kinh và đối tượng nghiện ma túy.

* Trung tâm Điều dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 11 chỉ tiêu.

Trung tâm Điều dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội được thành lập theo Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Điều dưỡng Thương binh và Bảo trợ xã hội.

- Năm 2022 Trung tâm được giao 21 chỉ tiêu, trong đó: 16 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 05 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách chi trả chế độ.

- Theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 01/3/2022, Trung tâm có 34 chỉ tiêu, trong đó: 29 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 05 chỉ tiêu hợp đồng 68 (03 chỉ tiêu do ngân sách nhà nước chi trả chế độ và 02 chỉ tiêu do nguồn thu sự nghiệp chi trả chế độ (Nhân viên phụ trách buồng, phòng (buồng, bàn, giặt là, kho)).

Như vậy, số người làm việc theo vị trí việc làm được phê duyệt so với số người làm việc được giao năm 2022 còn thiếu 13 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương

ngân sách nhà nước và thừa 02 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách nhà nước chi trả chế độ do chuyển sang viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước (vị trí việc làm chăm sóc dinh dưỡng). Để đảm bảo cho hoạt động của Trung tâm, đề xuất:

- Bổ sung 70% số chỉ tiêu còn thiếu so với vị trí việc làm được phê duyệt, tương ứng với 09 chỉ tiêu nhằm đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công mới được bổ sung,

- Bổ sung 02 chỉ tiêu để chuyển 02 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách nhà nước chi trả chế độ sang chỉ tiêu biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước theo vị trí việc làm quy định; đồng thời giảm 02 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách nhà nước chi trả chế độ;

Sau khi bổ sung Trung tâm có 27 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 03 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách chi trả chế độ.

b) Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Quảng Trị thuộc Văn phòng UBND tỉnh: 04 chỉ tiêu

Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Quảng Trị được thành lập theo Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 17/1/2018 của UBND tỉnh trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Xúc tiến du lịch thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, bộ phận sự nghiệp xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư và bộ phận xúc tiến thương mại thuộc Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương.

- Năm 2022 Trung tâm được giao 11 chỉ tiêu, trong đó: 09 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 02 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách chi trả chế độ.

- Theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 14/11/2019, Trung tâm có 15 chỉ tiêu, trong đó: 13 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 02 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách nhà nước chi trả chế độ.

Như vậy, số người làm việc theo vị trí việc làm được phê duyệt so với số người làm việc được giao năm 2022 còn thiếu 04 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước. Để đảm bảo cho hoạt động của Trung tâm, đề xuất bổ sung 04 chỉ tiêu còn thiếu so với vị trí việc làm được phê duyệt.

c) Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 chỉ tiêu.

- Năm 2022 Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa được giao 21 chỉ tiêu, trong đó: 20 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 01 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách chi trả chế độ.

- Theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3985/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, Ban có 28 chỉ tiêu, trong đó: 27 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 01 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách nhà nước chi trả chế độ.

Như vậy, số người làm việc theo vị trí việc làm được phê duyệt so với số người làm việc được giao năm 2022 còn thiếu 07 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước. Để đảm bảo cho hoạt động của Ban đề xuất trước mắt bổ sung 70% số chỉ tiêu còn thiếu so với vị trí việc làm được phê duyệt, tương ứng với 05 chỉ tiêu nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác bảo vệ rừng.

d) Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và

Truyền thông: 03 chỉ tiêu.

Sở Thông tin và Truyền thông được UBND tỉnh giao chức năng quản lý, vận hành Trung tâm Giám sát điều hành thông minh tỉnh (IOC) tại Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 18/01/2020 của UBND tỉnh, theo đó, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đơn vị trực tiếp được giao nhiệm vụ vận hành hoạt động của Trung tâm IOC, hoạt động của Trung tâm IOC chủ yếu phục vụ cho chức năng quản lý nhà nước, không có nguồn thu. Để đảm bảo hoạt động của Trung tâm IOC đề xuất trước mắt bổ sung 03 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ phản ánh hiện trường (01 chỉ tiêu), an toàn thông tin (02 chỉ tiêu).

đ) Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh thuộc Sở Nội vụ: 03 chỉ tiêu.

- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh được thành lập theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh trên cơ sở tổ chức lại bộ phận sự nghiệp của Chi cục Văn thư - Lưu trữ, Sở Nội vụ. Trung tâm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo hình thức Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

- Năm 2022 Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh được giao 17 chỉ tiêu, trong đó: 14 người làm việc (12 hưởng lương ngân sách nhà nước, 02 hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (chưa tuyển dụng do không có nguồn thu) và 03 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách nhà nước chi trả chế độ.

- Theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 24/9/2020, Trung tâm có 18 người làm việc (12 hưởng lương ngân sách nhà nước và 06 hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) và 03 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách nhà nước chi trả chế độ.

Như vậy, số người làm việc theo vị trí việc làm được phê duyệt so với số người làm việc được giao năm 2022 còn thiếu 06 người làm việc. Để đảm bảo cho hoạt động của Trung tâm là đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên đề xuất trước mắt bổ sung 50% số chỉ tiêu còn thiếu so với vị trí việc làm được phê duyệt, tương ứng với 03 chỉ tiêu để phụ trách công tác bảo quản, khai thác tài liệu và quản lý tài liệu điện tử.

e) Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao huyện Cam Lộ thuộc UBND huyện Cam Lộ: 01 chỉ tiêu.

- Ban Quản lý Khu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại huyện Cam Lộ thuộc Trung tâm Quản lý di tích và bảo tàng tỉnh, thuộc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch được UBND tỉnh phân cấp cho UBND huyện Cam Lộ quản lý từ ngày 28/6/2022 tại Quyết định số 1684/QĐ-UBND.

- Thực hiện Quyết định số 1684/QĐ-UBND Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch bàn giao cho UBND huyện Cam Lộ quản lý di tích trên, trong đó có bàn giao 01 người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước, còn đối với 01 người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp và 01 hợp đồng 68 do nguồn thu sự nghiệp của đơn vị chi trả chế độ không thể bàn giao cho UBND huyện quản lý theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 vì Ban Quản lý Khu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại huyện Cam Lộ không có nguồn thu sự nghiệp để trả lương và thực hiện các chế độ chính sách đối với viên chức và hợp đồng lao động.

Để đảm bảo quản lý, hoạt động của Ban Quản lý Khu Chính phủ Cách

mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại huyện Cam Lộ đề xuất bổ sung 01 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước để chuyển 01 chỉ tiêu hưởng lương từ nguồn sự nghiệp sang hưởng lương ngân sách nhà nước như Đề án vị trí việc làm đã phê duyệt.

Như vậy, sau khi được bổ sung Ban Quản lý Khu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại huyện Cam Lộ có 02 người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước phụ trách công tác quản lý, thuyết minh, hướng dẫn khách tham quan kiêm bảo vệ.

4.2.3. Dự phòng: 11 chỉ tiêu

Tổng chỉ tiêu giao năm 2023 sau khi đã trừ số cắt giảm do thực hiện tinh giản biên chế 256 chỉ tiêu và cân đối, điều chỉnh, bổ sung 58 chỉ tiêu là: **15.754** chỉ tiêu, trong đó có 11 chỉ tiêu dự phòng (= 69 chỉ tiêu giảm do tăng mức độ tự chủ về tài chính và sắp xếp tổ chức bộ máy - 23 chỉ tiêu bổ sung đối với sự nghiệp giáo dục - 35 chỉ tiêu bổ sung đối với các đơn vị sự nghiệp khác).

Số chỉ tiêu dự phòng này dùng để bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp công lập dự kiến sẽ được tổ chức lại trong năm 2023, tăng quy mô hoạt động, tăng số lớp, số học sinh, giảm mức độ tự chủ về tài chính, số còn lại để giảm trừ tinh giản biên chế trong các năm tiếp theo.

4.3. Hợp đồng 68: 201 chỉ tiêu, trong đó:

4.3.1. Hợp đồng 68 trong các cơ quan hành chính: 105 chỉ tiêu (giữ nguyên).

4.3.2. Hợp đồng 68 trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 96 chỉ tiêu (giữ nguyên), trong đó có 01 chỉ tiêu dự phòng, cụ thể:

- **Giảm 02 chỉ tiêu** tại Trung tâm Điều dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Năm 2022 Trung tâm được giao 05 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách chi trả chế độ.

+ Theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 01/3/2022, Trung tâm có 03 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách chi trả chế độ.

Như vậy, so với vị trí việc làm được phê duyệt số hợp đồng 68 giao năm 2022 thừa 02 chỉ tiêu do ngân sách chi trả chế độ. Đề xuất giảm 02 chỉ tiêu hợp đồng 68 do ngân sách chi trả chế độ đảm bảo theo đúng quy định về vị trí việc làm.

- **Tăng 01 chỉ tiêu** tại Ban Quản lý Nghĩa trang và Đón tiếp thân nhân liệt sỹ thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để chuyển 01 hợp đồng lao động lái xe chuyên dùng đưa đón gia đình thân nhân liệt sỹ, kiêm lái xe phục vụ công tác quản trang do nguồn ngân sách địa phương chi trả chế độ (đã được HĐND tỉnh phê duyệt bổ sung năm 2022 tại Nghị quyết số 169/NQ-HĐND) sang 01 hợp đồng 68 do ngân sách chi trả chế độ.

Như vậy, số hợp đồng 68 giao năm 2023 cho các cơ quan, tổ chức hành chính bằng với số giao năm 2022, trong đó có 01 chỉ tiêu dự phòng của hợp đồng 68 trong đơn vị sự nghiệp công lập.

4.4. Biên chế trong các tổ chức Hội: 71 chỉ tiêu (giữ nguyên), trong đó có 02 chỉ tiêu dự phòng.

4.5. Hợp đồng lao động: 49 chỉ tiêu, giảm 04 chỉ tiêu so với số giao năm 2022.

4.5.1. Giảm: 07 chỉ tiêu, trong đó:

- Hợp đồng chuyên trách bảo vệ rừng tại các Ban Quản lý rừng phòng hộ thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: **06** chỉ tiêu để chuyển sang chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị theo lộ trình được phê duyệt, gồm:

- + Ban Quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải: 03 chỉ tiêu;
- + Ban Quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông: 03 chỉ tiêu.

- Hợp đồng lái xe chuyên dùng đưa đón gia đình thân nhân liệt sỹ, kiêm lái xe phục vụ công tác quản trang tại Ban Quản lý Nghĩa trang và Đón tiếp thân nhân liệt sỹ thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: **01** chỉ tiêu để chuyển sang hợp đồng 68 do ngân sách chi trả chế độ như đề xuất ở trên.

4.5.2. Tăng: 03 chỉ tiêu hợp đồng lái xe dùng chung tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Y tế.

Để đảm bảo định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và quy định của tỉnh về bố trí xe ô tô chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức trong lĩnh vực y tế, đề xuất:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chuyển đổi 01 biên chế công chức thành 01 hợp đồng lao động để bố trí nhân viên lái xe thay thế lái xe thuộc biên chế công chức đã nghỉ hưu theo chế độ như đã đề xuất cắt giảm ở trên.

- Sở Y tế: Bổ sung 02 lái xe chuyên dùng tại Cơ quan Sở Y tế (xe phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn) và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế).

Như vậy, tổng chỉ tiêu hợp đồng lao động giao năm 2022 là: 49 chỉ tiêu, giảm 04 chỉ tiêu so với số giao năm 2022.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2023 VÀ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2022-2026

1. Về tổ chức bộ máy, chuyển đổi cơ chế tài chính, xã hội hóa.

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy bên trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, gắn với tinh giản biên chế.

b) Phê duyệt phương án tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ *quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập* và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính *Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.*

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án học phí theo quy định sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ *Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo*, để làm cơ sở thực hiện tự chủ về tài chính theo lộ trình, vừa đảm bảo có đủ người làm việc theo định mức quy định, đảm bảo cho công tác dạy học, vừa đảm bảo chỉ tiêu cắt giảm số người làm việc hưởng lương ngân

sách hàng năm theo quy định.

d) Thủ trưởng các cơ quan có đơn vị sự nghiệp công lập, trình UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu ung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên².

đ) Tiếp tục tạm dừng chủ trương thực hiện chuyển đổi một số trường mầm non và trung học phổ thông từ công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng³;

2. Về quản lý biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính; số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên

a) Tiếp tục thực hiện quản lý biên chế và tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026, mục tiêu trong giai đoạn từ năm 2022-2026 giảm 88 chỉ tiêu biên chế công chức, tương ứng với 05% số giao năm 2021 và 1.607 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước, tương ứng 10% với số giao năm 2021.

Lấy kết quả thực hiện tinh giản biên chế và sắp xếp tổ chức bộ máy làm một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị và người đứng đầu của cơ quan, đơn vị. Không đề bạt, bổ nhiệm cán bộ là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phụ trách công tác tổ chức, nhân sự thực hiện không nghiêm và không có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW và các văn bản liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại cơ quan, đơn vị phụ trách.

Kịp thời giải quyết chế độ chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế.

b) Phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm các cơ quan, tổ chức hành chính đơn vị sự nghiệp công lập gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế trong giai đoạn 2022-2026 theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức chặt chẽ, khoa học, đảm bảo đúng quy định.

c) Đẩy mạnh rà soát, cân đối, điều chỉnh hợp lý biên chế từ nơi thừa đến nơi thiếu giữa các sở, ban, ngành, huyện, thành phố, thị xã, để cơ cấu lại hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, gắn với tinh giản biên chế,

² Theo quy định tại Điều 37 của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

³Theo Điều 47 của Luật Giáo dục ngày 14/6/2019, quy định: "Việc chuyển đổi loại hình nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân được thực hiện theo nguyên tắc: Chỉ chuyển đổi loại hình nhà trường từ trường tư thục sang trường tư thục hoạt động không vì lợi nhuận" và hiện nay Chính phủ chưa có quy định và hướng dẫn về việc chuyển đổi trường từ công lập ra ngoài công lập.

đảm bảo đúng định mức quy định, trong đó ưu tiên dành biên chế để bố trí cho các địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Trình Trung ương xem xét bổ sung số người làm việc còn thiếu so với định mức quy định do tăng quy mô số lớp, số học sinh, số giường bệnh. Trường hợp được Trung ương bổ sung trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Một số nội dung khác

a) Không thực hiện việc ký hợp đồng lao động đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính hoặc là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên (trừ đơn vị sự nghiệp giáo dục và y tế).

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các sai sót trong sử dụng biên chế công chức, số người làm việc, trong tuyển dụng công chức, viên chức và hợp đồng lao động.

Trên đây là Kế hoạch biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động và biên chế hội năm 2023 và các giải pháp cơ bản để thực hiện có hiệu quả biên chế công chức, số người làm việc và hợp đồng lao động trong thời gian tới, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./. *ĐHC*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính (1b);
- Sở Nội vụ (2b);
- Lưu: VT, NC. *MY*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng

Phụ lục

**CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC,
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VÀ BIÊN CHẾ HỘI NĂM 2023**
(Kèm theo Kế hoạch số: 211/KH-UBND ngày 05/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)



TT	Đơn vị	Tổng cộng		Biên chế công chức (từ ngày 01/01/2023)	Số người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước										Hợp đồng 68 (từ ngày 01/01/2023)			Biên chế Hội (từ ngày 01/01/2023)	Hợp đồng lao động (từ ngày 01/01/2023)
		Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024		Tổng		SNGD		SNYT		SN VH TT		SN khác		Tổng	HC	SN		
					Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024					
1	2	3=5+6+16+19	4=5+7+16+19	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	SỞ, BAN, NGÀNH	5,696	5,597	946	4,539	4,440	2,093	2,061	1,808	1,760	184	179	454	440	159	78	81	52	19
1	Sở Công Thương	41	41	29	9	9							9	9	3	2	1		
2	Sở GD và ĐT	1,919	1,891	45	1,870	1,842	1,870	1,842							4	3	1		11
3	Sở Giao thông VT	44	44	33	8	8							8	8	3	3			
4	Sở Kế hoạch và ĐT	43	43	41	0	0									2	2			
5	Sở Khoa học và CN	55	55	32	21	21	0	0	0	0	0	0	21	21	2	2	0	0	1
5.1	Cơ quan Sở	24	24	22	0	0									2	2			
5.2	Chi cục Tiêu chuẩn, ĐLCL	10	10	10	0	0									0				1
5.3	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	21	21		21	21							21	21	0				
6	Sở LĐ, TB và XH	190	189	38	132	131							132	131	20	2	18		0
7	Sở Nội vụ	74	74	53	15	15	0	0	0	0	0	0	15	15	6	3	3		
7.1	Cơ quan Sở	38	38	36	0	0									2	2			
7.2	Ban Thi đua - KT	8	8	8	0	0									0				
7.3	Ban Tôn giáo	10	10	9	0	0									1	1			
7.4	Trung tâm lưu trữ lịch sử	18	18		15	15							15	15	3		3		
8	Sở NN & PTNT	488	476	249	217	205	0	0	0	0	0	0	217	205	22	17	5	0	3
8.1	Cơ quan Sở	31	31	29	0	0									2	2			1
8.2	Chi cục Kiểm lâm	152	152	141	0	0									11	11			2
8.3	Chi cục TT và BVTV	38	38	14	23	23							23	23	1	1			
8.4	Chi cục Chăn nuôi và TY	43	43	10	32	32							32	32	1	1			
8.5	Chi cục Thủy sản	24	24	11	12	12							12	12	1	1			
8.6	Chi cục Phát triển NT	18	18	18	0	0									0				
8.7	Chi cục Thủy lợi	16	16	14	1	1							1	1	1	1			
8.8	Chi cục QLCL NLS&TS	12	12	12	0	0									0				
8.9	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	154	142	0	149	137							149	137	5		5		0
9	Sở Ngoại vụ	21	21	19	0	0									2	2			
10	Sở Tư pháp	45	44	24	18	17							18	17	3	2	1		
11	Sở Tài chính	45	45	43	0	0									2	2			
12	Sở Tài nguyên và MT	49	49	47	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	1
12.1	Cơ quan Sở	32	32	30	0	0									2	2			1
12.2	Chi cục Bảo vệ môi trường	10	10	10	0	0									0				
12.3	Chi cục Biển, Hải đảo và KTTV	7	7	7	0	0									0				
12.4	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	0	0		0	0													
13	Sở Thông tin và TT	29	29	21	6	6							6	6	2	2			

TT	Đơn vị	Tổng cộng		Biên chế công chức (từ ngày 01/01/2023)	Số người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước										Hợp đồng 68 (từ ngày 01/01/2023)			Biên chế Hội (từ ngày 01/01/2023)	Hợp đồng lao động (từ ngày 01/01/2023)
		Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024		Tổng		SNGD		SNYT		SN VH TT		SN khác		Tổng	HC	SN		
					Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024					
1	2	3-5+6+16+19	4-5+7+16+19	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
14	Sở Văn hóa, TT và DL	178	174	36	124	120					124	120			18	2	16		
15	Sở Xây dựng	29	29	27	0	0									2	2			
16	Sở Y tế	1,890	1,842	54	1,808	1,760	0	0	1,808	1,760	0	0	0	0	28	3	25	0	2
16.1	Cơ quan Sở	31	31	29	0	0									2	2			1
16.2	Chi cục DS-KHHGD	14	14	13	0	0									1	1			
16.3	Chi cục An toàn VSTP	12	12	12	0	0									0				1
16.4	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	1,833	1,785	0	1,808	1,760			1,808	1,760					25		25		
17	Thanh tra tỉnh	29	29	27	0	0									2	2			
18	Văn phòng UBND tỉnh	85	85	43	28	28							28	28	14	12	2		
19	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	42	42	34	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8	8			
19.1	Đại biểu HĐND chuyên trách	9	9	9	0	0									0				
19.2	Văn phòng HĐND tỉnh	33	33	25	0	0									8	8			
20	Ban Dân tộc	25	25	23	0	0									2	2			
21	BQL các khu KT	28	28	25	0	0									3	3			
22	Văn phòng Ban AT giao thông	3	3	3	0	0									0				1
23	Trường Cao đẳng sư phạm	120	119		116	115	116	115							4		4		
24	Trường Cao đẳng Y tế	43	42		42	41	42	41							1		1		
25	Trường Cao đẳng Kỹ thuật	67	65		65	63	65	63							2		2		
26	Đài PT-TH tỉnh	52	52		51	51					51	51			1		1		
27	Tạp chí Cửa Việt	10	9		9	8					9	8			1		1		
28	Hội Chữ thập đỏ	14	14		0	0									0			14	
29	Hội Người mù	3	3		0	0									0			3	
30	Hội Nhà báo	3	3		0	0									0			3	
31	Hội VHNT	6	6		0	0									0			6	
32	LH các Hội KHKT	5	5		0	0									0			5	
33	LH các TCHN	3	3		0	0									0			3	
34	LM HTX	18	18		0	0									0			18	
II	HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	12,333	12,176	815	11,460	11,303	11,249	11,097	1	1	146	141	64	64	41	27	14	17	30
1	Thành phố Đông Hà	1,287	1,271	105	1,176	1,160	1,152	1,136			18	18	6	6	4	3	1	2	
2	Thị xã Quảng Trị	466	464	72	387	385	368	367			13	12	6	6	6	3	3	1	
3	Huyện Vĩnh Linh	1,558	1,549	89	1,462	1,453	1,442	1,433			13	13	7	7	5	2	3	2	8
4	Huyện Gio Linh	1,445	1,425	89	1,351	1,331	1,332	1,313			13	12	6	6	3	2	1	2	5
5	Huyện Triệu Phong	1,533	1,497	92	1,435	1,399	1,414	1,378			15	15	6	6	4	3	1	2	
6	Huyện Hải Lăng	1,460	1,427	91	1,363	1,330	1,343	1,311			14	13	6	6	4	3	1	2	
7	Huyện Cam Lộ	927	908	78	844	825	824	806			14	13	6	6	3	2	1	2	
8	Huyện Đakrông	1,388	1,387	89	1,293	1,292	1,265	1,264			22	22	6	6	4	3	1	2	10
9	Huyện Hướng Hoá	2,239	2,218	96	2,136	2,115	2,107	2,087			23	22	6	6	5	4	1	2	7
10	Huyện Đào Cồn Cỏ	30	30	14	13	13	2	2	1	1	1	1	9	9	3	2	1		

TT	Đơn vị	Tổng cộng		Biên chế công chức (từ ngày 01/01/2023)	Số người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước										Hợp đồng 68 (từ ngày 01/01/2023)			Biên chế Hội (từ ngày 01/01/2023)	Hợp đồng lao động (từ ngày 01/01/2023)
		Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024		Tổng		SNGD		SNYT		SN VH TT		SN khác		Tổng	HC	SN		
					Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024	Từ 01/01/2023	Trước 01/01/2024					
1	2	3=5+6+16+19	4=5+7+16+19	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
III	DỰ PHÒNG	14	14		11	11	0		11	11	0	0	0	0	1	0	1	2	0
	Tổng cộng (I+II+III)	18,043	17,787	1,761	16,010	15,754	13,342	13,158	1,820	1,772	330	320	518	504	201	105	96	71	49